

R

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO ĐỀ TÀI

**ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ ĐỊNH
HƯỚNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN QUAN ĐIỂM
SINH THÁI VÀ PHÁT TRIỂN LÂU BỀN**

Chủ nhiệm đề tài: PTS. *Nguyễn Đình*

NHA TRANG
1994

3503

6/3/2000

**ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT
VÀ ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN QUAN ĐIỂM SINH THÁI VÀ PHÁT TRIỂN LÂU BỀN
TỈNH KHÁNH HOÀ**

*

Đánh giá đất là một khâu quan trọng trong quá trình qui hoạch sử dụng đất. Kết quả của công tác đánh giá đất làm cơ sở cho việc phân bố và sử dụng đất đai một cách hợp lý và khoa học. Tiến tới thực hiện một kế hoạch sử dụng đất đai có hiệu quả trên quan điểm sinh thái và phát triển lâu bền.

Từ phương pháp đánh giá đất đai của FAO, Phân viện qui hoạch và thiết kế nông nghiệp Miền trung kết hợp với Sở khoa học công nghệ và môi trường tiến hành đánh giá hiện trạng sử dụng đất và định hướng phát triển nông nghiệp giai đoạn 2000 - 2010.

Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài " **đánh giá hiện trạng sử dụng đất và định hướng phát triển nông nghiệp trên quan điểm sinh thái và phát triển lâu bền tỉnh Khánh hoà** " được tổng hợp trên cơ sở điều tra phân tích thực trạng sản xuất của tỉnh trong nhiều năm qua và xử lý kế thừa những kết quả nghiên cứu về tài nguyên của tỉnh Khánh hoà như: tài nguyên đất, nước, khí hậu thời tiết....Đóng góp hoàn thành tài liệu giai đoạn này có sự tham gia của nhiều cán bộ nghiên cứu của các cơ quan: Sở khoa học công nghệ và môi trường, Sở nông nghiệp, UBND các huyện và một số ban ngành trong tỉnh.

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

- PTS Nguyễn Đình Phó phân viện trưởng

NHỮNG NGƯỜI THỰC HIỆN VÀ PHỐI HỢP CHÍNH

- PTS Lê quang Chút Phân viện trưởng
- Nguyễn văn Bật KS qui hoạch sử dụng đất
- Nguyễn viết Lập KS thủy lợi
- Nguyễn ngọc Lưu KS kinh tế
- Trương đình Tuyển KS thổ nhưỡng

CƠ QUAN PHỐI HỢP

- Sở khoa học công nghệ và môi trường tỉnh Khánh hoà
- Sở nông nghiệp
- Ban quản lý ruộng đất
- UBND tỉnh Khánh hoà

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.	Tr. 1
Chương 1 : TỔNG QUAN NHỮNG VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	3
Chương 2 : MỤC TIÊU, PHƯƠNG PHÁP, NỘI DUNG VÀ TRÌNH TỰ NGHIÊN CỨU.	5
Chương 3 : ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN-KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG NGHIÊN CỨU.	7
3.1. Vị trí vùng nghiên cứu.	7
3.2. Đặc điểm tự nhiên.	8
3.3. Đặc điểm kinh tế-xã hội.	13
3.4. Tình hình sử dụng đất và sx nông nghiệp.	18
3.5. Tình hình sản xuất Lâm nghiệp.	22
3.6. Tình hình sản xuất muối hạt, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.	23
3.7. Du lịch .	24
Chương 4 : CÁC ĐƠN VỊ ĐẤT ĐAI	25
4.1. Khái niệm đơn vị đất đai (LMUs).	25
4.2. Cơ sở lựa chọn các yếu tố để xây dựng bản đồ các đơn vị đất đai.	25
4.3. Phân cấp các yếu tố tự nhiên .	25
4.4. Đặc điểm các đơn vị đất đai.	25
4.5. Mô tả các đơn vị đất đai.	26
Chương 5 : CÁC LOẠI HÌNH SỬ DỤNG ĐẤT HIỆN TẠI	28
5.1. Các loại hình sử dụng đất hiện tại và mô tả.	28
5.2. Phân tích tài chính các hệ thống sử dụng đất (LUSSs)	32
5.3. Tác động của môi trường.	32
5.4. Cơ sở lựa chọn các loại hình sử dụng đất.	33
5.5. Lựa chọn các loại hình sử dụng đất.	36
5.6. Yêu cầu sử dụng đất của các LUTs được chọn.	37
Chương 6 : PHÂN LOẠI THÍCH NGHI ĐẤT ĐAI.	38
6.1. Tổng quan.	38
6.2. Phân loại khả năng thích nghi hiện tại.	38
6.3. Phân loại khả năng thích nghi tiềm tàng (tương lai).	39
Chương 7 : THẢO LUẬN VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐẤT.	40
7.1. Tiềm năng mở rộng đất nông nghiệp	40
7.2. Đề xuất sử dụng đất nông nghiệp.	40
7.3. Một số yêu cầu thiết yếu để khai thác tốt tiềm năng nông nghiệp của tỉnh.	41
Chương 8 : ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ĐẾN NĂM 2000 VÀ 2010	43
8.1. Nhận định về tiềm năng và hạn chế của tỉnh	43
8.2. Các dự báo có ảnh hưởng đến sản xuất N.nghiệp	44
8.3. Các quan điểm phát triển	48
8.4. Mục tiêu phát triển	49
8.5. Luận chứng phát triển	50
8.6. Các giải pháp chủ yếu	53
8.7. Các dự án ưu tiên	56
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.	59
TÀI LIỆU THAM KHẢO.	62

CÁC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ, BẢN ĐỒ, BIỂU VÀ PHỤ BIỂU.

I. Sơ đồ:

1. Phương pháp đánh giá đất theo FAO.
2. Lịch thời vụ của các LUTs.

II. Biểu đồ:

1. Diễn biến số ngày mưa các tháng trong năm.
2. Diễn biến đàn gia súc qua các năm: 1976 - 1992.
3. Diễn biến Diện tích và Sản lượng Ngô - Khoai lang - Sắn qua các năm: 1976 - 1992.
4. Diễn biến Năng suất và Sản lượng lúa Đ.xuân - H.thu - Mùa qua các năm: 1976 - 1992.

III. Bản đồ:

1. Bản đồ vị trí vùng nghiên cứu.
2. Bản đồ phân vùng khí hậu, Hiện trạng và Quy hoạch thủy lợi năm 2000.
3. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 1993.
4. Bản đồ các vùng đất và các đơn vị đất đai.
5. Bản đồ thích nghi đất đai hiện tại.
6. Bản đồ thích nghi đất đai tiềm năng.
7. Bản đồ bố trí sử dụng đất.

IV. Biểu :

1. Ảnh hưởng của thảm thực vật đến xói mòn đất.
2. Tổng hợp diện tích các loại đất theo độ dốc và tầng dày.
- 2a. Thu nhập, chi phí và cơ cấu nông hộ.
3. Hiện trạng sử dụng đất năm 1993.
4. Diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng qua các năm: 1976 - 1993.
5. Tình hình phát triển ngành chăn nuôi: 1976 - 1993.
6. Tình hình sản xuất muối hạt, nuôi tôm và đánh bắt hải sản qua các năm: 1979 - 1993.
7. Một số chỉ tiêu kinh tế tổng hợp: 1976 - 1993.
8. Phân cấp các yếu tố tự nhiên để xây dựng bản đồ các đơn vị đất đai (LMU).
9. Các đơn vị đất đai và đặc điểm của chúng.
10. Phân bố các đơn vị đất đai trên toàn tỉnh và trong vùng đất trồng đối trọc.
11. Phân bố các đơn vị đất đai trên diện tích còn rừng, theo chế độ nước và theo tiểu vùng khí hậu.
12. Các hệ thống sử dụng đất (LUSs) hiện tại.
13. Khối lượng và giá trị vật tư đầu tư cho các vụ cây trồng ở các LUSs.
14. Lao động thuê và máy móc thuê cho các LUSs.
15. Năng suất và sản lượng cây trồng, vật nuôi ở các LUSs.
16. Phân tích tài chính và đánh giá về đầu tư, thu nhập, lợi nhuận và hiệu suất đồng vốn của các LUSs.

17. Sự thích hợp của LUSs với các mục tiêu sử dụng đất.
18. Đặc điểm các LUTs được chọn.
19. Phân cấp các yếu tố về yêu cầu sử dụng đất của các LUTs được chọn.
20. Các cấp thích nghi hiện tại và các yếu tố hạn chế.
21. Phân loại thích nghi và các vùng thích nghi hiện tại của các LUTs được chọn.
22. Diện tích đất ở các cấp thích nghi hiện tại của các LUTs được chọn.
23. Diện tích đất ở các cấp thích nghi tương lai của các LUTs được chọn.
24. Đề xuất sử dụng đất nông nghiệp.
25. Diện tích - Năng suất - Sản lượng các loại cây trồng năm 2000 và 2010.
26. Dự kiến phát triển ngành chăn nuôi.
27. Dự kiến phát triển nuôi trồng thủy sản.
28. Bố trí sử dụng đất năm 2000 và 2010.

III. Phụ biểu:

1. Kết quả phân tích một số phẫu diện đất - nhóm đất đỏ vàng.
2. Kết quả phân tích một số phẫu diện đất - nhóm đất phù sa.
3. Kết quả phân tích một số phẫu diện đất - nhóm đất xám trên Macma acid.
4. Kết quả phân tích một số phẫu diện đất - nhóm đất trên bậc thềm phù sa cổ.
5. Kết quả phân tích một số phẫu diện đất - nhóm đất mặn ít và trung bình; đất mặn nhiều và phèn.
6. Kết quả phân tích phẫu diện đất- nhóm đất cát biển.
7. Các đặc trưng khí hậu thời tiết .
- 7a. Thu chi nông hộ.
8. Hiện trạng sử dụng đất năm 1993 chia theo các huyện.
9. Các LMUs và số khoảnh đất / 1 LMU.
10. Diện tích các LMUs chia theo huyện và trong vùng đất trồng đồi trọc.
11. Đơn giá vật tư phân bón, thuốc trừ sâu và các loại nông sản quý IV /1993 - II/1994.
12. Diện tích các LMUs thay đổi trong điều kiện có cải tạo đất (được tưới).
13. Mối quan hệ giữa các loại hình sử dụng đất (LUTs) và đất.
14. Các vùng đất thích nghi tương lai của các LUTs được chọn.
15. Diện tích - năng suất - sản lượng các loại cây trồng năm 2000 chia theo huyện.
16. Bố trí sử dụng đất nông nghiệp năm 2000 chia theo huyện.
17. Bố trí sử dụng đất nông nghiệp năm 2010 chia theo huyện.
18. Dự kiến mở rộng diện tích đất nông nghiệp từ ĐTBĐ thời kỳ 1995 - 2000 và 2001 - 2010.
19. Tổng hợp vốn đầu tư cơ bản thời kỳ 1995-2000 và 2001-2010.

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN NHỮNG VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1. Tình hình nghiên cứu trong nước và ngoài nước:

1.1. Ngoài nước: từ đầu những năm 1970, nhiều quốc gia trên thế giới đã tự tiến hành đánh giá đất để phục vụ cho quy hoạch tổng thể. Đến năm 1976 FAO đã mời các chuyên gia hàng đầu về thổ nhưỡng, thủy lợi, khí tượng thủy văn để xây dựng một đề cương đánh giá đất có thể áp dụng ở nhiều quốc gia tại châu Phi, châu A. Đến năm 1983 đề cương cũ đã được sửa đổi bổ xung hoàn chỉnh và được áp dụng rộng rãi trên thế giới. Các kết quả nghiên cứu này đã được đánh giá cao về mặt phương pháp luận cũng như tính thực tiễn trong sản xuất nông - lâm nghiệp mà những phương pháp đánh giá đất trước kia không có được.

1.2. Trong nước: để sử dụng đất đầy đủ, hợp lý và đạt hiệu quả cao, ổn định về kinh tế, xã hội; bền vững về môi trường sinh thái, từ năm 1990 đến nay trước khi lập các dự án quy hoạch tổng thể, định hướng sản xuất nông nghiệp, xây dựng các dự án đầu tư phát triển nông - lâm, nuôi trồng thủy sản cho các vùng và các tỉnh mới chia đều phải thực hiện đánh giá đất theo phương pháp của FAO.

- Các vùng:

+ Vùng đồng bằng sông Cửu long do công ty NEDECO (Hà lan) thực hiện theo dự án VIE.87.031.

+ Vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Đông bắc, Tây bắc, Khu IV cũ, Tây nguyên và Duyên hải nam trung bộ, đông Nam bộ do viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp thực hiện năm 1993 - 1994.

- Các tỉnh: trong 2 năm 1993 và 1994 Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp đã tiến hành đánh giá đất phục vụ cho định hướng sản xuất nông nghiệp các tỉnh sau:

+ Năm 1993 - 1994: tỉnh Bình Định, Trà vinh.

+ Năm 1994 : tỉnh Hà tây, Ninh bình, Phú yên, Đắc lác, Đổng nai.

2. Các nghiên cứu đã có liên quan đến khả năng thích nghi đất cho sử dụng vào sản xuất nông nghiệp tỉnh Khánh hoà gồm:

1. Năm 1978-1980: Trong chương trình điều tra quy hoạch nông nghiệp các tỉnh phía Nam, Viện QH & TKNN đã tiến hành điều tra và lập bản đồ đất các huyện tỷ lệ 1/25.000 và tổng hợp toàn tỉnh trên bản đồ tỷ lệ 1/100.000 với mục đích là xác định số lượng, đặc điểm và quỹ đất có khả năng đưa vào sản xuất nông nghiệp làm cơ sở cho việc xây dựng quy hoạch tổng thể các huyện và bố trí sử dụng đất toàn tỉnh.

2. Năm 1980-1987: Để xây dựng các vùng chuyên canh bông, thuốc lá, dưa, Phân viện QH & TKNN Miền nam, Miền trung đã tiến hành điều tra chi tiết xây dựng bản đồ đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất tỷ lệ 1/10.000 thuộc phạm vi quản lý của các nông trường bông Đá bàn, Nông trường thuốc lá Dục mỹ, nông trường dưa Cam thịnh làm cơ sở để lập luận chứng kinh tế kỹ thuật cho các đơn vị nói trên.

3. Năm 1987: Phân viện QH & TKNN Miền trung đã tiến hành điều tra cơ bản và lập dự án đầu tư phát triển cây dưa tỉnh Phú Khánh đến năm 2000.

4. Năm 1990: Phân viện QH & T KNN Miền trung đã tiến hành điều tra lập dự án đầu tư phát triển nông nghiệp toàn diện và xây dựng nông thôn mới huyện Diên Khánh.

5. Năm 1990-1993: Để phục vụ đầu tư thâm canh tăng năng suất lúa, phân viện QH & TKNN đã điều tra, xây dựng bản đồ nông hoá thổ nhưỡng cho nhiều hợp tác xã trên địa bàn toàn tỉnh.

6. Năm 1992: Phân viện QH & TKNN Miền trung đã tiến hành liên hệ chuyển đổi tên đất từ hệ thống phân loại cũ sang hệ thống phân loại mới theo FAO - UNESCO trên bản đồ đất tỷ lệ 1/100.000.

Ngoài việc nghiên cứu về quy mô, phạm vi phân bố và đặc điểm đất đai cũng đã bước đầu tiến hành đánh giá đất đai thông qua việc phân loại thích hợp theo đối tượng sử dụng ở 2 mức: Thích hợp hoặc không thích hợp; chủ yếu dựa trên đặc điểm thổ nhưỡng có kết hợp với các yếu tố tự nhiên và hiện trạng sử dụng đất nhằm làm cơ sở cho việc xác định các vùng đất có khả năng khai hoang mở rộng diện tích đất nông nghiệp.

Ngoài ra một số kết quả nghiên cứu chuyên ngành về các yếu tố tự nhiên, về sản xuất nông nghiệp tỉnh gồm có:

7. Đặc điểm khí hậu Phú Khánh và phân vùng khí hậu (đài khí tượng thuỷ văn và Ban khoa học kỹ thuật tỉnh Phú Khánh-1982): đã phân toàn tỉnh Khánh hoà thành 3 tiểu vùng khí hậu với những đặc trưng cơ bản khác nhau phục vụ cho việc phát triển sản xuất và đời sống.

8. Hiện trạng và QH thuỷ lợi tỉnh Khánh hoà đến năm 2000. (Sở thuỷ lợi Phú Khánh - Khánh hoà 1985, 1993): thống kê, đánh giá hiệu quả các công trình các công trình tưới đã xây dựng, xác định nguyên nhân làm giảm hiệu quả tưới và đề ra các biện pháp khắc phục đồng thời phân ra các vùng tưới trong tỉnh để quy hoạch các công trình thuỷ lợi cần xây dựng trong tương lai để cung cấp nước tưới cho các vùng thiếu nước nghiêm trọng.

9. Quy hoạch sản xuất ngành nông nghiệp tỉnh Khánh hoà đến năm 2000 (Sở nông nghiệp tỉnh Khánh hoà - 1991): xác định các mục tiêu sản phẩm ngành nông nghiệp đến năm 2000, tuy nhiên do thị trường giá cả thay đổi nên nhiều mục tiêu sản phẩm không còn phù hợp.

Qua việc tổng hợp trên cho thấy :

- Thời kỳ trước năm 1980: chủ yếu là đi vào nghiên cứu đất đai (điều tra xác định số lượng quỹ đất) ở bản đồ tỷ lệ nhỏ để phục vụ cho công tác quy hoạch tổng thể huyện, tỉnh .

- Thời kỳ từ 1980 đến nay: đi vào nghiên cứu chi tiết hơn, đặc biệt là chất lượng đất qua việc lấy mẫu phân tích ở bản đồ tỷ lệ lớn 1/10.000 - 1/2.000; ngoài ra còn có những nghiên cứu tổng hợp về khí tượng, thuỷ văn, thuỷ lợi, sản xuất nông nghiệp, kinh tế-xã hội để phục vụ cho việc xây dựng các dự án đầu tư phát triển nông nghiệp, đầu tư thâm canh cây trồng cũng như phát triển các ngành kinh tế khác.

Nhìn chung các tài liệu trên đã cung cấp những thông tin rất quan trọng cho nhận thức ban đầu về môi trường tự nhiên và loại hình sử dụng đất. Tuy nhiên, tùy theo mục tiêu và phương pháp nghiên cứu mà mỗi tài liệu chỉ đóng góp phần nào với tính chất không đồng bộ trong tổng thể các yếu tố cần thiết làm cơ sở cho đánh giá đất. Nhưng gần đây những nghiên cứu về đánh giá đất và phân tích hệ thống canh tác chưa được thực hiện. Vì vậy cần phải có một cuộc điều tra nghiên cứu về các vấn đề trên để đưa ra được những thông tin đầy đủ và hoàn chỉnh hơn làm cơ sở cho việc định hướng sản xuất nông nghiệp. Để làm được điều đó, Phân viện QH & TKNN Miền trung phối hợp với các cơ quan trong tỉnh đã tiến hành đánh giá hiện trạng sử dụng đất theo phương pháp của FAO.

CHƯƠNG II

MỤC TIÊU PHƯƠNG PHÁP, NỘI DUNG VÀ TRÌNH TỰ NGHIÊN CỨU

2.1. Mục tiêu nghiên cứu:

- Đánh giá tổng hợp tài nguyên đất, nước của tỉnh.
- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng sản xuất nông nghiệp, kinh tế-xã hội; phân tích hệ thống canh tác làm cơ sở khoa học cho việc định hướng sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

2.2. Nội dung và trình tự nghiên cứu:

2.2.1. Nội dung nghiên cứu:

1. Chính lý, bổ sung hoàn thiện các bản đồ chuyên đề (khí tượng thủy văn, thủy lợi, thổ nhưỡng, hiện trạng).
2. Xây dựng bản đồ các đơn vị đất đai (LMUs: Land Mapping Units)
3. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất và sản xuất nông nghiệp.
4. Khảo sát, điều tra các loại hình sử dụng đất (LUTs : Land Use Types)
5. Khảo sát, điều tra và hình thành các hệ thống sử dụng đất (LUSs : Land Use Systems).
6. Lựa chọn các LUTs thích hợp và xác định thuộc tính của chúng trên quan điểm sinh thái và phát triển lâu bền.
7. Đánh giá mức độ thích nghi đất đai trong điều kiện hiện tại và tương lai gần cho các LUTs được chọn cho các đơn vị đất đai.
8. Đánh giá sự cải thiện đất đai, tài nguyên nước, tác động của môi trường và tình hình kinh tế xã hội.
9. Xây dựng bản đồ thích nghi đất đai.
10. Định hướng sản xuất nông nghiệp đến năm 2000 và năm 2010.

2.2.2. Trình tự nghiên cứu:

Các nội dung nghiên cứu được chia làm 3 bước như sau:

Bước 1: chuẩn bị giả ngoại:

- Thống nhất về mục tiêu, nội dung, phương pháp và kế hoạch thực hiện.
- Thu thập các tài liệu, số liệu đã có về môi trường tự nhiên, tình hình sử dụng đất, tình hình sản xuất nông nghiệp, kinh tế và xã hội.
- Thu thập và xây dựng các bản đồ chuyên đề về: Địa chất, địa mạo, thổ nhưỡng, hiện trạng sử dụng đất, khí tượng thủy văn, hiện trạng và quy hoạch thủy lợi.

- Dựa trên các tài liệu đã có về môi trường tự nhiên (thổ nhưỡng, thủy văn, khí hậu nông nghiệp) để xây dựng bản đồ các đơn vị đất đai dự thảo.

- Xác định các loại hình sử dụng đất (LUTs: Land Use Type) và các hệ thống sử dụng đất (LUSs: Land Use Systems) làm cơ sở cho việc xác định số lượng và vị trí các điểm cần khảo sát thực địa để phỏng vấn cán bộ nông nghiệp, nông dân theo phiếu điều tra đánh giá đất trên nguyên tắc vừa đảm bảo mật độ phân bố chung toàn tỉnh, vừa thu thập được đầy đủ thông tin về các LUTs hiện có ở tất cả các vùng đất (Soil Zones).

Bước 2: Khảo sát thực địa:

- Khảo sát đất và hiện trạng sử dụng đất, tình trạng tưới tiêu...

- Phỏng vấn nông dân theo phiếu điều tra đánh giá đất, phỏng vấn cán bộ nông nghiệp các huyện về: Dân số, lao động, hiện trạng sử dụng đất, mạng lưới dịch vụ nông nghiệp (bảo vệ thực vật, cung cấp vật tư, tưới tiêu, nguồn tín dụng, công tác khuyến nông...), tình hình tiêu thụ sản phẩm, cải tạo đất...

- Thu thập số liệu thống kê về tình hình sử dụng đất, tình hình kinh tế xã hội tại các huyện.

Bước 3: Công tác nội nghiệp:

- Xây dựng bản đồ các đơn vị đất đai chính thức dựa trên bản đồ các đơn vị đất đai dự thảo và bổ sung thực địa các yếu tố tự nhiên.

- Thống kê các LUTs hiện có và các LUSs phổ biến trong tỉnh.

- Xử lý số liệu điều tra cơ bản, phân tích tài chính các phiếu điều tra đánh giá đất trên máy vi tính tất cả các LUTs ở các vùng đất khác nhau. Các chỉ tiêu phân tích gồm: Đầu tư, thu nhập, lợi nhuận và hiệu quả đồng vốn.

- Lựa chọn các LUTs tiên tiến.

- Xác định các yêu cầu sử dụng đất và xây dựng chỉ tiêu đánh giá thích nghi cho các LUTs được chọn.

- Phân hạng thích nghi đất đai và xây dựng bản đồ thích nghi đất đai trong các điều kiện hiện tại và tương lai.

- Xây dựng các dự báo có liên quan đến sản xuất nông nghiệp thời kỳ 2000 và 2010.

- Xây dựng các phương án bố trí sử dụng đất và định hướng sản xuất nông nghiệp đến năm 2000 và 2010.

- Xác định các dự án ưu tiên.

- Viết báo cáo trình bày kết quả nghiên cứu.